TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày: 16-01-2026.
V/v: "*Tranh chấp kiện đòi nợ hụi".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Danh Quí;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp kiện đòi nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2025/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 273/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: T, ấp M, xã M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã G, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Vào thời gian năm 2024, tôi có thành lập tổ góp vốn (với hình thức hụi góp vốn xoay vòng) với nhiều dây hụi khác nhau tại Công ty TNHH E (địa chỉ: E, ấp T, xã B, TP. H). Do mối quan hệ là đồng nghiệp làm chung công ty nên bà Nguyễn Thị T có tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng, áp hụi ngày 10/10/2024, mỗi tháng xổ một lần, dây hụi này gồm có 16 chân, trong đó bà T tham gia 02 chân.

Trong quá trình tham gia, bà Nguyễn Thị T đã hốt hụi 2 lần, cụ thể:

Vào ngày 10/10/2024 thì bà T hốt 01 chân với số tiền 23.000.000 đồng;

Tiếp đến ngày 10/12/2024 thì bà T hốt 01 chân với số tiền 23.000.000 đồng nữa là hết 02 chân.

Như vậy, tổng số tiền bà T đã nhận từ dây hụi là 46.000.000 đồng, sau khi hốt hụi xong thì bà T vẫn còn nghĩa vụ đóng hụi chết 05 kỳ hụi tiếp theo, mỗi kỳ 4.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng nhưng sau khi hốt hụi rồi bà T không đóng hụi chết lại cho tôi nên tôi đã nhiều lần liên lạc, nhắc nhở, yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ đóng hụi theo thỏa thuận nhưng bà này cố tình không đóng mà nghỉ việc tại công ty và cố tình trốn tránh nghĩa vụ đóng tiền hụi chết cho tôi nên phải bỏ tiền ra đóng thay cho bà T và dây hụi này đã mãn rồi.

Nay, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho tôi số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi và trả một lần dứt nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến nay bà T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền hụi còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp kiện đòi nợ hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị N là nguyễn đơn và bà Nguyễn Thị T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà N có đơn xin xét xử vắng mặt còn bà T được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi bà có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng bà không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điêu 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị T là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N có làm chủ hụi với hình góp vốn xoay vòng và bà Nguyễn Thị T có chơi 02 chân hụi nên xét về thỏa thuận chơi hụi trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp theo tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được tự nguyện thi hành.

[3] Xét về yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thì bà N có làm chủ hụi và bà T có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ là đúng sự thật vì được bà N lập danh sách hụi viên cụ thể và bà T cũng thừa nhận sẽ đóng tiền hụi cho bà N qua tin nhắn mạng xã hội (zalo). Hơn nữa, trước khi áp hụi thì bà N có lập danh sách tên từng hụi viên và giao danh sách cho từng hụi viên biết tên của những hụi viên chơi chung. Sau khi áp hụi xong thì xổ hụi đến lần thứ 01 bà T đã hốt một chân còn một chân thì xổ hụi lần thứ 3 bà T cũng hốt. Như vậy, bà T đã hốt hết 02 chân hụi nhưng khi hốt hụi xong thì bà T không đóng hụi chết cho bà N mà nghị việc tại công ty, cố tình né tránh không gặp bà N. Mặc khác, khi bà Thúy nghị việc tại công ty, cố tình né tránh bà N mà không thanh toán tiền hụi cho bà N là vi phạm nghĩa trả nợ. Do đó, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 20.000.000 đồng là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị T là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, khi bà Nguyễn Thị T thực hiện giao dịch với bà Nguyễn Thị N thì bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà cư trú, hiện nay bà L vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng bà T không có mặt tại Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà. Từ đó, cho thấy bà Nguyễn Thị T đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T theo qui định của pháp luật.

[5] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi xem xét lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí DSST: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000đ (một triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004106 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 1.000.000đ (một triệu đồng), buộc bà Nguyễn Thị T phải nộp.

Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004106 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 16/01/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh